

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:            /BTNMT-PC

V/v phối hợp triển khai thi hành nhiệm vụ rà soát của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ

Hà Nội, ngày        tháng        năm 2020

Kính gửi:

- Ủy ban Kinh tế của Quốc hội;
- Vụ Kinh tế, Văn phòng Quốc hội;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Bộ Tư pháp.

Thực hiện Quyết định số 822/QĐ-TCT ngày 10 tháng 4 năm 2020 của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2020 của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản quy phạm pháp luật, Quyết định số 823/QĐ-TCT ngày 10 tháng 4 năm 2020 của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về việc phân công thành viên Tổ công tác, Tổ giúp việc và Bộ phận thường trực tham gia các Nhóm rà soát văn bản quy phạm pháp luật (*gửi kèm theo*), Bộ Tài nguyên và Môi trường trân trọng đề nghị Quý Cơ quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao chỉ đạo Thành viên là đại diện quý Cơ quan, các đơn vị trực thuộc tổ chức rà soát quy định pháp luật về đất đai, tài nguyên, môi trường, xây dựng, kinh doanh bất động sản thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Quý Cơ quan (*tại Bảng phân công nhiệm vụ*) theo mẫu tại các Phụ lục kèm theo Công văn này.

Kết quả rà soát gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Vụ Pháp chế) trước **ngày 30 tháng 5 năm 2020** để tổng hợp, báo cáo Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, đề nghị gửi file kết quả rà soát vào địa chỉ mail: [nhquang@monre.gov.vn](mailto:nhquang@monre.gov.vn).

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Lưu VT, PC. PTH.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Phương Hoa**

**Bảng phân công về rà soát văn bản quy phạm pháp luật  
về đất đai, tài nguyên, môi trường, xây dựng, kinh doanh bất động sản**

(Kèm theo Công văn số      ngày      tháng      năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

<b>STT</b>	<b>Nội dung nhiệm vụ</b>	<b>Thành viên Tổ công tác, Tổ giúp việc và Bộ phận thường trực</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>
1.	Rà soát quy định của pháp luật về đất đai, tài nguyên, môi trường	<ul style="list-style-type: none"><li>- Bà Nguyễn Thị Phương Hoa, Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (Chủ trì).</li><li>- Ông Hà Công Tuấn, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li><li>- Ông Nguyễn Nhật, Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải.</li><li>- Bà Ngô Thị Tuyết, Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li><li>- Bà Nguyễn Thị Bích Ngân, Phó Trưởng phòng, Cục Kiểm soát thủ tục hành chính, Văn phòng Chính phủ.</li><li>- Bà Lê Thị Kim Thúy, Chuyên viên Vụ Pháp chế, Bộ Giao thông vận tải.</li><li>- Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Chuyên viên Vụ Pháp chế, Bộ Giao thông vận tải.</li><li>- Ông Nguyễn Hồng Quang, Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Bộ Tài nguyên và Môi trường.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Văn phòng Chính phủ.</li><li>- Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải.</li></ul>
2.	Rà soát quy định của pháp luật về xây dựng, kinh doanh bất động sản	<ul style="list-style-type: none"><li>- Ông Nguyễn Văn Sinh, Thứ trưởng Bộ Xây dựng (Chủ trì).</li><li>- Ông Phùng Văn Hùng, Ủy viên Thường trực Ủy ban kinh tế của Quốc hội.</li><li>- Bà Tống Thị Hạnh, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Bộ Xây dựng.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Ủy ban kinh tế của Quốc hội.</li><li>- Văn phòng Quốc hội.</li><li>- Các Bộ: Xây dựng, Bộ Tư pháp</li></ul>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bà Nguyễn Chi Lan, Phó Vụ trưởng, Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế, Bộ Tư pháp.</li> <li>- Ông Phạm Văn Khá, Chuyên viên chính Vụ Kinh tế, Văn phòng Quốc hội.</li> <li>- Bà Dương Thùy Dung, Chuyên viên Vụ Kinh tế, Văn phòng Quốc hội.</li> <li>- Bà Phạm Thị Huyền, Chuyên viên Vụ Pháp chế, Bộ Xây dựng, Vụ Kinh tế, Văn phòng Quốc hội.</li> </ul>	
3.	Góp ý dự thảo Báo cáo kết quả quy định pháp luật pháp luật về đất đai, tài nguyên, môi trường, xây dựng, kinh doanh bất động sản được rà soát có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp	Các Thành viên Nhóm rà soát	

**Phụ lục 1.**  
**DANH MỤC**

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT .....<sup>1</sup> ĐÃ ĐƯỢC RÀ SOÁT**

(Kèm theo Công văn số      ngày      tháng      năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú <sup>2</sup>
<b>I. BỘ LUẬT, LUẬT, NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI</b>					
1.					
2.					
...					
<b>II. PHÁP LỆNH, NGHỊ QUYẾT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI</b>					
1.					
2.					
...					
<b>III. NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ</b>					
1.					
2.					
...					
<b>IV. QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ</b>					
1.					
2.					
...					

<sup>1</sup> Ghi tên chuyên đề/lĩnh vực quy định pháp luật được rà soát theo Quyết định số 823/QĐ-TCT về việc phân công thành viên Tổ công tác, Tổ giúp việc và Bộ phận thường trực tham gia các Nhóm rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

<sup>2</sup> Ghi các thông tin liên quan khác, ví dụ: Ghi chú về văn bản hết hiệu lực một phần, văn bản sắp (đã xác định rõ thời điểm) hết hiệu lực hoặc chưa có hiệu lực...

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú <sup>2</sup>
<b>V. THÔNG TƯ, THÔNG TƯ LIÊN TỊCH</b>					
1.					
2.					
...					
<b>VI. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT KHÁC</b>					
1.					
2.					
...					

## Phụ lục 2.

### Văn bản quy phạm pháp luật về đất đai, tài nguyên, môi trường, xây dựng, kinh doanh bất động sản được rà soát có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp

(Kèm theo Công văn số      ngày      tháng      năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Tên văn bản được rà soát	Nội dung, quy định của văn bản được rà soát	Nội dung, quy định của văn bản làm căn cứ rà soát	Phân tích nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập hoặc không phù hợp thực tiễn, gây khó khăn, kìm hãm sự phát triển (sau khi đối chiếu nội dung quy định của văn bản được rà soát với nội dung, quy định của văn bản là căn cứ đối chiếu)	Phương án xử lý, thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý	Ghi chú
<b>I. LUẬT, BỘ LUẬT, NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI</b>						
1.						
2.						
<b>II. PHÁP LỆNH, NGHỊ QUYẾT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI</b>						
1.						
2.						
<b>IV. QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ</b>						
1.						
2.						

V. THÔNG TƯ LIÊN TỊCH						
1.						
2.						
VI. THÔNG TƯ						
1.						
2.						
VII. CÁC HÌNH THỨC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT KHÁC						
1.						
2.						

## Phụ lục 3

### Mẫu Báo cáo rà soát văn bản quy phạm pháp luật

(Kèm theo Công văn số ngày tháng năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

## BÁO CÁO

### Kết quả rà soát quy định pháp luật.....<sup>3</sup>

#### I. QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trình bày ngắn gọn một số nội dung liên quan đến hoạt động rà soát của Nhóm, trong đó lưu ý một số nội dung sau:

- Việc xác định phạm vi các văn bản pháp luật được rà soát, các nội dung lớn cần rà soát;
- Việc tổ chức rà soát văn bản;
- Việc lấy ý kiến phản ánh, kiến nghị của các địa phương, doanh nghiệp, các cơ quan, đơn vị liên quan, ý kiến chuyên gia, tham vấn đối tượng điều chỉnh của pháp luật...;
- Việc khảo sát, điều tra,... (nếu có).

#### II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT VĂN BẢN

Báo cáo các số liệu thể hiện kết quả rà soát văn bản như sau:

**1.** Tổng số văn bản đã được rà soát:..... văn bản (trong đó, nêu số lượng cụ thể từng loại văn bản quy phạm pháp luật) (*Danh mục chi tiết kèm theo: Mẫu số 02*)

**2.** Tổng số văn bản có quy định mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, không phù hợp với thực tiễn, gây khó khăn, kìm hãm sự phát triển: ..... văn bản (*chi tiết các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập hoặc không còn phù hợp thể hiện tại Mẫu số 03*), trong đó:

**2.1.** Văn bản có quy định mâu thuẫn, chồng chéo: ..... văn bản, bao gồm:

**2.1.1.** Văn bản có quy định mâu thuẫn, chồng chéo với văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn (trong đó, nêu số lượng cụ thể đối với từng loại văn bản có quy định mâu thuẫn, chồng chéo với văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn; khái quát nội dung những quy định mâu thuẫn, chồng chéo).

**2.1.2.** Văn bản có quy định mâu thuẫn, chồng chéo với văn bản do cùng một cơ quan ban hành (trong đó, nêu số lượng cụ thể đối với từng loại văn bản

<sup>3</sup> Ghi tên chuyên đề/lĩnh vực quy định pháp luật được rà soát theo Quyết định số 823/QĐ-TCT về việc phân công thành viên Tổ công tác, Tổ giúp việc và Bộ phận thường trực tham gia các Nhóm rà soát văn bản quy phạm pháp luật.



có quy định mâu thuẫn, chồng chéo với văn bản do cùng một cơ quan ban hành; khái quát nội dung những quy định mâu thuẫn, chồng chéo).

*2.1.3. Văn bản do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo với nhau (trong đó, nêu số lượng cụ thể Thông tư liên tịch, Thông tư và các hình thức văn bản quy phạm pháp luật khác do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành, liên tịch ban hành có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo với văn bản do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ khác ban hành, liên tịch ban hành; khái quát nội dung những quy định mâu thuẫn, chồng chéo).*

*2.1.4. Văn bản có quy định mâu thuẫn, chồng chéo tại chính văn bản đó (trong đó, nêu số lượng cụ thể đối với từng loại văn bản có quy định mâu thuẫn, chồng chéo tại chính văn bản đó; khái quát nội dung những quy định mâu thuẫn, chồng chéo).*

**2.2.** Văn bản có quy định bất cập, không còn phù hợp với thực tiễn: ..... văn bản (trong đó, nêu số lượng cụ thể đối với từng loại văn bản có quy định bất cập hoặc không còn phù hợp với thực tiễn; khái quát nội dung những quy định bất cập, không còn phù hợp với thực tiễn).

### **III. ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

**1. Đánh giá về kết quả đạt được; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; bài học kinh nghiệm**

*1.1. Đánh giá về tính thống nhất, đồng bộ, khả thi, công khai, minh bạch của hệ thống văn bản thuộc chuyên đề, lĩnh vực được rà soát (Nêu rõ tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; bài học kinh nghiệm)*

*1.2. Đánh giá về các văn bản có quy định pháp luật mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, không còn phù hợp với thực tiễn, gây khó khăn, kìm hãm sự phát triển (Trong đó phân tích kỹ tác động của các quy định này đến sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế - xã hội; nguyên nhân mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, không phù hợp với thực tiễn, gây khó khăn, kìm hãm sự phát triển)*

#### **2. Kiến nghị, đề xuất**

*2.1. Về việc xử lý văn bản có quy định mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, không phù hợp với thực tiễn, gây khó khăn, kìm hãm sự phát triển <sup>4</sup>(chi tiết tại Phụ lục theo Mẫu số 03)*

- ..... văn bản có nội dung cần đình chỉ thi hành (trong đó, nêu số lượng cụ thể đối với từng loại văn bản có nội dung cần đình chỉ thi hành).

- ..... văn bản có nội dung cần sửa đổi, bổ sung (trong đó, nêu số lượng cụ thể đối với từng loại văn bản có nội dung cần sửa đổi, bổ sung).

<sup>4</sup> Thực hiện theo quy định tại Điều 143 (Các hình thức xử lý văn bản được rà soát) Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- ..... văn bản có nội dung cần thay thế (trong đó, nêu số lượng cụ thể đối với từng loại văn bản có nội dung cần thay thế).

- ..... văn bản có nội dung cần bãi bỏ (trong đó, nêu số lượng cụ thể đối với từng loại văn bản có nội dung cần bãi bỏ).

- ... văn bản có nội dung cần ban hành mới (nếu có).

**2.2. Các kiến nghị khác (như kiến nghị liên quan đến tổ chức thi hành pháp luật, các biện pháp bảo đảm khác bảo đảm giải phóng nguồn lực, tạo điều kiện cho sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế - xã hội)**

### **2.3. Giải pháp**

Nêu một số giải pháp khắc phục các hạn chế trong việc xây dựng pháp luật, hạn chế tình trạng mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, không phù hợp thực tiễn, gây khó khăn, kìm hãm sự phát triển, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch và khả thi của hệ thống pháp luật.

### **2.4. Các vấn đề khác**

**Lưu ý:** Các Nhóm rà soát có thể bổ sung các thông tin khác vào nội dung báo cáo nếu thấy cần thiết./.